VIỆN QUẢN TRỊ - KINH DOANH
**BỘ MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH**
----------***----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
----------***----------

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
# QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Quản trị kinh doanh

## 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản trị nguồn nhân lực (Human resources management)
- Mã học phần: DQK.02.33
- Số tín chỉ: 03
- Vị trí của học phần trong CTĐT: Kiến thức chuyên ngành, bắt buộc
- Đối tượng học: Sinh viên ngành QTKD
- Các học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Quản trị học (DQK.02.09)
- Học phần song hành: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lý thuyết: 40 tiết

+ Thảo luận nhóm, thực hành: 6 tiết

+ Kiểm tra: 2 tiết

+ Tự học: 102 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Giảng viên phụ trách học phần:

*Họ và tên: PGS.TS Hoàng Văn Hải*

*Chức danh: Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh*

*Thông tin liên hệ: SĐT: 098.3288.119; Email: hoangvanhai@fbu.edu.vn*

## 2. Mô tả học phần:

Quản trị nguồn nhân lực là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc dành cho sinh viên ngành QTKD. Mục tiêu của học phần là phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng kiến thức quản trị nguồn nhân lực trong thu hút, đào tạo – phát triển và duy trì nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của tổ chức cả về mặt số lượng và chất lượng trong bối cảnh "chuyển đổi số". Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về nguồn nhân lực; vai trò, tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực và các hoạt động quản trị nguồn nhân lực cơ bản trong các tổ chức như: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá thực hiện công việc, thù lao lao động và quan hệ lao động, bên cạnh đó giúp sinh viên hình thành các kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết, hình thành thái độ tích cực, quan tâm đúng mức đến hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Nội dung giảng dạy và các ví dụ minh họa phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

**3. Mục tiêu của học phần:**

| Mục tiêu học phần | Mô tả mục tiêu học phần |
|---|---|
| **CSO 1.1** | Nắm vững được lý luận, kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực và các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. |
| **CSO 1.2** | Phân tích được những tác động của môi trường kinh doanh đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. |
| **CSO 1.3** | Khả năng vận dụng lý luận về quản trị nguồn nhân lực để giải quyết được các tình huống, các vấn đề đặt ra trong triển khai hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. |
| **CSO 2.1** | Xây dựng kế hoạch và thực hiện được các quyết định cơ bản về quản trị nguồn nhân lực, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn. |
| **CSO 2.2** | Giao tiếp, thuyết trình và lắng nghe có hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập; xây dựng, tổ chức, điều hành nhóm làm việc hiệu quả. |
| **CSO 3.1** | Chủ động, tích cực và quan tâm đúng mức đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức; có năng lực tự học, tư duy làm việc khoa học, sáng tạo, thường xuyên cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. |

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses Learning Outcomes)**

| Mục tiêu học phần | CĐR học phần | Mô tả chuẩn đầu ra học phần<br>*Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:* | CĐR của CTĐT | Mức độ đóng góp |
|---|---|---|---|---|
| ***CĐR về kiến thức:*** | | | | |
| **CSO 1.1** | **CLO 1.1** | Mô tả được những nội dung cơ bản về quản trị nguồn nhân lực và các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. | **PLO1.3** | 3 |
| **CSO 1.2** | **CLO 1.2** | Vận dụng lý luận, kỹ thuật và phương pháp trong quản trị nguồn nhân lực để giải quyết được các tình huống, các vấn đề đặt ra trong triển khai hoạt động quản trị nguồn nhân lực của các tổ chức. | | 3 |
| **CSO 1.3** | **CLO 1.3** | Phân tích được các tác động của môi trường kinh doanh đến hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. | **PLO 1.5** | 3 |
| ***CĐR về kỹ năng:*** | | | | |
| **CSO 2.1** | **CLO 2.1** | Thực hiện được kế hoạch công việc, có khả năng đánh giá, cải tiến hoạt động chuyên môn. | **PLO2.5** | 3 |
| **CSO 2.2** | **CLO 2.2** | Thực hiện giao tiếp, thuyết trình, phản biện và làm việc nhóm hiệu quả. | **PLO2.3** | 3 |
| ***CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** | | | | |
| **CSO 3.1** | **CLO 3.1** | Hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu, có tư duy hệ thống, có cái nhìn tích cực về quản trị nguồn nhân lực cho tổ chức. | **PLO3.1** | 3 |

*Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).*

**5. Học liệu:**

**- Tài liệu học tập bắt buộc:**

+ PGS.TS Trần Xuân Hải, TS Trần Đức Lộc, Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Tài chính, 2013.

**- Tài liệu tham khảo:**

+ Quản trị nguồn nhân lực: Lý luận và tình huống thực tiễn, Chủ biên Lưu Thị Minh Ngọc, Tạ Huy Hùng, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.
+ PGS.TS Trần Kim Dung, Quản trị nguồn nhân lực, NXB Kinh tế TP HCM, 2016.
+ Giáo trình Quản trị nhân lực, PGS.TS Hoàng Văn Hải, ThS. Vũ Thùy Dung, NXB Thống Kê…

**6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần**

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| x | Thuyết trình tích cực | x | Làm việc nhóm | x | Giải quyết vấn đề | □ | Dạy học theo dự án |
| x | Thảo luận/Semina | x | Phát vấn | □ | Đóng vai | x | Thuyết giảng |
| □ | Tiểu luận/Bài tập lớn | x | Tình huống | □ | Thực tập | x | Tự học |
| □ | Phương pháp khác | | | | | | |

**7. Nội dung chi tiết học phần**

| Bài dạy | Nội dung dạy học | Nội dung giảng dạy | | | | CĐR | HĐ dạy | HĐ học |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | LT | TH, TL | KT | Tự học | (CLO) | | |
| **Bài 1** | GV giới thiệu tổng quan về mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra và cách thức đánh giá của học phần; Chia nhóm và phổ biến về cách thức làm việc nhóm.<br>**Chương 1: Tổng quan về quản trị NNL**<br>**1.1. Những hiểu biết cơ bản về nguồn nhân lực**<br>1.1.1. Khái niệm về nguồn nhân lực<br>1.1.2. Chất lượng nguồn nhân lực<br>1.1.3. Vai trò của nguồn nhân lực<br>1.1.4. Các yếu tố cấu thành nguồn nhân lực<br>1.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới nguồn nhân lực<br>**1.2. Một số vấn đề cơ bản về** | **2.0** | **1.0** | **0** | **5** | **CLO1.1**<br>**CLO1.3**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải quyết vấn đề, Lớp học đảo ngược | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br>Sinh viên trả lời câu hỏi trên lớp; |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **quản trị nguồn nhân lực**<br>1.2.1. Khái niệm, nguyên tắc, tầm quan trọng và các nhân tố ảnh hưởng đến QTNNL<br>1.2.2. Các hoạt động chủ yếu của QTNNL<br>**Bài tập thảo luận:**<br>Những thay đổi và thách thức trong công tác QTNNL tại các DN Việt Nam hiện nay | | | | | | | Làm bài tập tình huống cá nhân |
| **Bài 2** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>1.2.3. Vai trò và quyền hạn của bộ phận QTNNL trong TC<br>1.2.4. Đánh giá trình độ QTNNL<br>1.2.5. QTNNL vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật<br>**1.3. Quá trình hình thành và phát triển QTNNL**<br>1.3.1. Triết lý QTNNL<br>1.3.2. Một số học thuyết về QTNNL<br>1.3.3. Quá trình hình thành và phát triển QTNNL.<br>**Bài tập:**<br>+ Tìm hiểu về bộ máy chuyên trách QTNNL trong tổ chức; vai trò và quyền hạn của bộ phận QTNNL trong một tổ chức.<br>**Bài tập tình huống:**<br>Tổng quan về QT nguồn nhân lực | **3.0** | **0** | **0** | **6** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Lớp học đảo ngược | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi;<br><br>Làm bài tập và trình bày trước lớp về kết quả nghiên cứu |
| **Bài 3** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**Chương 2: Hoạch định nguồn nhân lực, thiết kế và phân tích công việc**<br>**2.1. Hoạch định nguồn nhân lực**<br>2.1.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định NNL<br>2.1.2. Mối quan hệ giữa hoạch | **3** | **0** | **0** | **8** | **CLO1.1**<br>**CLO1.3**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề, Lớp học đảo ngược | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | định NNL với hoạch định sản xuất kinh doanh<br>2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới quá trình hoạch định NNL<br>2.1.4. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực<br>**2.2. Thiết kế công việc**<br>2.2.1. Khái niệm và nội dung của thiết kế công việc<br>2.2.2. Các phương pháp thiết kế công việc<br>**Bài tập trên lớp:**<br>Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới hoạch định nhân lực tại các Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. | | | | | | | Sinh viên trả lời câu hỏi trên lớp;<br><br>Làm bài tập, trình bày trước lớp về kết quả nghiên cứu |
| **Bài 4** | **2.3. Phân tích công việc**<br>2.3.1. Khái niệm, ý nghĩa của phân tích công việc<br>2.3.2. Nội dung, trình tự phân tích công việc<br>2.3.3. Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc<br>2.3.4. Những nội dung chủ yếu của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn thực hiện công việc.<br>**Bài tập thảo luận nhóm:**<br>Áp dụng các phương pháp thu thập thông tin để xây dựng bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn CV cho một vị trí trong doanh nghiệp. | **2.0** | **1.0** | **0** | **6** | **CLO1.1<br>CLO1.2<br>CLO2.1<br>CLO2.2<br>CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br><br>SV trả lời câu hỏi, BT thảo luận nhóm, Trình bày trước lớp về kết quả nghiên cứu |
| **Bài 5** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**2.4. Các giải pháp khắc phục sự mất cân đối giữa cung và cầu về NNL trong doanh nghiệp**<br>2.4.1. Phân tích quan hệ cung | **3** | **0** | **0** | **5** | **CLO1.1<br>CLO1.2<br>CLO2.1<br>CLO2.2<br>CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | cầu về nhân lực trong doanh nghiệp<br>2.4.2. Các giải pháp khi cầu nhân lực lớn hơn cung nhân lực<br>2.4.3. Các giải pháp khi cầu nhân lực nhỏ hơn cung nhân lực.<br>**Bài tập tình huống:**<br>Ra quyết định giải quyết sự mất cân đối về cung, cầu nhân lực<br>**Chương 3: Tuyển dụng nhân lực**<br>**3.1. Những hiểu biết cơ bản về tuyển dụng NNL**<br>3.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của tuyển dụng NNL<br>3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới tuyển dụng NNL<br>**Bài tập trên lớp:**<br>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tuyển dụng NL tại các DN Việt Nam hiện nay. | | | | | | quyết vấn đề | khảo;<br><br>SV trả lời câu hỏi, BT tình huống;<br><br>Trình bày trước lớp về kết quả nghiên cứu |
| **Bài 6** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**3.2. Các nguồn tuyển dụng**<br>3.2.1. Nguồn tuyển dụng từ bên trong doanh nghiệp<br>3.2.2. Nguồn tuyển dụng từ bên ngoài doanh nghiệp<br>**3.3. Các hình thức thu hút ứng viên**<br>3.3.1. Thông qua quảng cáo<br>3.3.2. Thông qua các trung tâm môi giới hoặc giới thiệu việc làm<br>3.3.3. Tuyển dụng trực tiếp từ các cơ sở đào tạo<br>3.3.4. Thu hút sinh viên thực tập tại doanh nghiệp<br>3.3.5. Thông qua sự giới thiệu của người quen hoặc của nhân viên trong doanh nghiệp | **2** | **1** | **0** | **6** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi; Làm bài tập, theo yêu cầu;<br><br>Trình bày |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Bài tập thảo luận nhóm:**<br>Nghiên cứu, tìm hiểu về các hình thức thu hút ứng viên được các doanh nghiệp áp dụng phổ biến tại Việt Nam hiện nay. | | | | | | | trước lớp về kết quả nghiên cứu |
| **Bài 7** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**3.4. Nội dung, trình tự quá trình tuyển dụng**<br>**3.5. Các hình thức trắc nghiệm và phỏng vấn trong quá trình tuyển dụng**<br>3.5.1. Trắc nghiệm và quá trình XD bài trắc nghiệm<br>3.5.2. Phỏng vấn và quá trình phỏng vấn<br>**3.6. Đánh giá hiệu quả hoạt động tuyển dụng**<br>**Bài tập tình huống:**<br>Ra quyết định tuyển dụng nhân lực<br>**Kiểm tra giữa học phần** | **2** | **0** | **1** | **6** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br>Sinh viên trả lời câu hỏi; làm bài tập tình huống; Làm bài kiểm tra |
| **Bài 8** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**Chương 4: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**<br>**4.1. Khái niệm, mục đích của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**<br>4.1.1. Khái niệm về đào tạo và phát triển<br>4.1.2. Mục đích, vai trò của đào tạo và phát triển<br>4.1.3. Phân loại các hình thức đào tạo<br>**4.2. Xác định nhu cầu đào tạo và phát triển**<br>4.2.1. Phân tích nhu cầu đào tạo và phát tiển<br>4.2.2. X/đ nhu cầu đào tạo<br>4.2.3. X/đ nhu cầu phát triển năng lực của các NQT<br>**Bài tập thảo luận nhóm:**<br>Tại sao các doanh nghiệp Việt | **2.0** | **1.0** | **0** | **7** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO1.3**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br>Sinh viên trả lời câu hỏi;<br>Sinh viên làm bài tập nhóm và trình bày |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nam hiện nay lại ít quan tâm đến hoạt động đào tạo nhân lực, những ý kiến đề xuất cải tiến hoạt động này tại DN? | | | | | | | trước lớp; |
| **Bài 9** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**4.3. Thực hiện quá trình đào tạo**<br>4.3.1. Đào tạo tại nơi làm việc<br>4.3.2. Đào tạo ngoài nơi làm việc<br>**4.4. Đánh giá kết quả và hiệu quả đào tạo**<br>4.4.1. Đánh giá kết quả đạt được trong khóa đào tạo<br>4.4.2. Đánh giá hiệu quả sau khóa đào tạo<br>**4.5. Phát triển nghề nghiệp cá nhân và sử dụng nhân lực sau đào tạo**<br>**Bài tập tình huống:**<br>Xác định nhu cầu đào tạo nhân lực và sử dụng nhân lực sau đào tạo | **3.0** | **0** | **0** | **5** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo<br>Sinh viên trả lời câu hỏi;<br><br>Sinh viên làm bài tập tình huống; |
| **Bài 10** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**Bài tập cá nhân:**<br>Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn hạn cho một Doanh nghiệp.<br>**Chương 5: Đánh giá thực hiện công việc**<br>**5.1. Khái niệm, tầm quan trọng và mục đích của đánh giá năng lực thực hiện công việc**<br>5.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của đánh giá năng lực thực hiện công việc<br>5.1.2. Mục đích của đánh giá năng lực thực hiện công việc | **2.0** | **1.0** | **0** | **5** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Thảo luận, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo;<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi; làm bài tập thảo luận và thuyết trình |
| **Bài 11** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**5.2. Hệ thống đánh giá và nội dung, trình tự đánh giá năng lực thực hiện công việc** | **3.0** | **0** | **0** | **6** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình | SV đọc trước giáo trình và |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5.2.1. Hệ thống đánh giá năng lực thực hiện công việc<br>5.2.2. Các yêu cầu đối với hệ thống đánh giá năng lực thực hiện công việc<br>5.2.3. Các lỗi cần tránh trong quá trình đánh giá năng lực thực hiện công việc<br>5.2.4. Nội dung, trình tự đánh giá năng lực thực hiện công việc<br>**Bài tập tình huống:**<br>Phân tích và đánh giá thực hiện công việc | | | | | **CLO3.1** | huống, Giải quyết vấn đề | tài liệu tham khảo; Sinh viên trả lời câu hỏi;<br><br>Sinh viên làm bài tập tình huống; |
| **Bài 12** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**5.3. Các phương pháp đánh giá năng lực thực hiện công việc**<br>5.3.1. Phương pháp mức thang điểm<br>5.3.2. Phương pháp so sánh<br>5.3.3. Phương pháp ghi chép các sự kiện quan trọng<br>5.3.4. P/p đánh giá bằng thang điểm dựa trên hành vi<br>5.3.5. Phương pháp quản trị theo mục tiêu<br>5.3.6. Phương pháp đánh giá theo chỉ số thực hiện công việc chủ yếu (KPIs)<br>**Bài tập:**<br>Phân tích ưu, nhược điểm và điều kiện áp dụng các phương pháp đánh giá THCV.<br>**Bài tập thảo luận nhóm:**<br>Xây dựng bản KPIs cho một vị trí trong một doanh nghiệp. | **2.0** | **1.0** | **0** | **8** | **CLO1.1**<br>**CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Thảo luận nhóm, Giải quyết vấn đề | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo; Sinh viên trả lời câu hỏi; làm bài tập thảo luận và thuyết trình trước lớp |
| **Bài 13** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**5.4. Một số lý thuyết về nhu cầu và động cơ hoạt động**<br>5.4.1. Định nghĩa về động cơ thúc đẩy và động viên NV<br>5.4.2. Một số lý thuyết về | **3** | **0** | **0** | **8** | **CLO1.1**<br>**CLO1.3**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Tình huống, Giải | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | động cơ thúc đẩy<br>**Bài tập tình huống:**<br>Tạo động cơ làm việc cho Người lao động<br>**Chương 6: Thù lao lao động**<br>**6.1. Thù lao lao động**<br>6.1.1. Thù lao LĐ và các y/c của hệ thống thù lao LĐ<br>6.1.2. Tác động của thù lao tới các quá trình chọn nghề, chọn việc, thực hiện công việc của nhân viên và hiệu quả của DN<br>6.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới thù lao lao động<br>6.1.4. Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù lao LĐ<br>**Bài tập:**<br>Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới việc xây dựng hệ thống thù lao trong các DN Việt Nam hiện nay. | | | | | | quyết vấn đề | khảo;<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi; làm bài tập thảo luận và thuyết trình trước lớp |
| **Bài 14** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**6.2. Những vấn đề cơ bản về tiền công và tiền lương**<br>6.2.1. Vai trò của tiền công và tiền lương<br>6.2.2. Hệ thống thang, bảng lương của Nhà nước<br>6.2.3. Xây dựng hệ thống trả công trong DN<br>**6.3. Các hình thức trả công lao động**<br>6.3.1. Hình thức trả công theo thời gian<br>6.3.2. Hình thức trả công theo sản phẩm<br>**Bài tập:**<br>Áp dụng tính công theo một số hình thức trả công lao động phổ biến | **3** | **0** | **0** | **7** | **CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Lớp học đảo ngược | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo;<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi; làm bài tập và trình bày trước lớp |
| **Bài 15** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>**Chương 7: Quan hệ lao động** | **3.0** | **0** | **0** | **7** | **CLO1.2**<br>**CLO2.1** | Thuyết giảng, | SV đọc trước |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **7.1. Khái niệm, chủ thể cấu thành và nội dung quan hệ lao động**<br>7.1.1. Khái niệm về quan hệ lao động<br>7.1.2. Các chủ thể cấu thành quan hệ lao động<br>7.1.3. Nội dung quan hệ lao động<br>**7.2. Hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể**<br>7.2.1. Hợp đồng lao động<br>7.2.1. Thỏa ước lao động tập thể<br>**7.3. Tranh chấp lao động và bất bình của người lao động**<br>7.3.1. Tranh chấp lao động<br>7.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp lao động<br>7.3.1.2. Phòng ngừa và giải quyết tranh chấp lao động<br>**Bài tập tình huống**:<br>Giải quyết tranh chấp của người lao động | | | | | **CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Phát vấn, Lớp học đảo ngược | giáo trình và tài liệu tham khảo;<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi;<br><br>Sinh viên làm bài tập tình huống; |
| **Bài 16** | **Kiểm tra nội dung tự học**<br>7.3.2. Bất bình của người lao động<br>7.3.2.1. Khái niệm về bất bình và nguyên nhân gây nên những bất bình của người lao động<br>7.3.2.2. Những nguyên tắc giải quyết các bất bình của người lao động<br>7.3.2.3. Quá trình giải quyết bất bình trong DN<br>**7.4. Kỷ luật lao động**<br>7.4.1. Khái niệm về kỷ luật lao động, nguyên nhân vi phạm kỷ luật lao động<br>7.4.1.1. Khái niệm và hình thức kỷ luật lao động<br>7.4.1.2. Nguyên nhân của vi | **2.0** | **0** | **1.0** | **7** | **CLO1.2**<br>**CLO2.1**<br>**CLO2.2**<br>**CLO3.1** | Thuyết giảng, Phát vấn, Lớp học đảo ngược | SV đọc trước giáo trình và tài liệu tham khảo;<br><br>Sinh viên trả lời câu hỏi;<br><br>Sinh viên chuẩn bị đề cương ôn tập theo |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | phạm kỷ luật lao động<br>7.4.2. Quá trình thực hiện việc kỷ luật người lao động<br>7.4.3. Tổ chức thi hành kỷ luật người lao động.<br>7.4.4. Những điều cần chú ý đối với người có quyền kỷ luật lao động<br>**Bài tập:**<br>Về giải quyết bất bình và kỷ luật lao động<br>**Kiểm tra**<br>**Tổng kết học phần, ôn phụ đạo** | | | | | | | hướng dẫn; |
| **Tổng** | | **40** | **6** | **2** | **102** | | | |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp.
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia làm bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

**9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm**

**9.1. Thang điểm đánh giá**

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

**9.2. Phương thức đánh giá**

| **Thành phần đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Hình thức đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **CLO** | **Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)** |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| Điểm chuyên cần | 10 | Đánh giá quá trình | Rubric | CLO 3.1 | |
| 01 bài kiểm tra 50 phút giữa kỳ | 30 | Trắc nghiệm | Thang điểm đánh giá | CLO1.1,<br>CLO1.2,<br>CLO1.3, | 40%<br>30%<br>30% |
| 01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ | | Tự luận | Rubric | CLO1.2,<br>CLO2.1,<br>CLO3.1, | 40%<br>40%<br>20% |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 01 đánh giá tổng hợp bài tập nhóm | | SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm. | Rubric | CLO1.2,<br>CLO1.3,<br>CLO2.1,<br>CLO2.2, | 20%<br>10%<br>30%<br>40% |
| Bài thi hết học phần (90 phút) | 60 | Trắc nghiệm + Tự luận | Thang điểm đánh giá | CLO1.1,<br>CLO1.2,<br>CLO1.3, | 30%<br>40%<br>30% |

**9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập**

*9.3.1 Rubric đánh giá chuyên cần*

| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Rất tốt** | **Tốt** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** | |
| | | **10 – 8.5** | **8.4 – 7.0** | **6.9 – 5.0** | **4.9 – 0.0** | |
| Mức độ tham dự theo TKB | 50% | Tham dự >90% buổi học | Tham dự 85 - 90% buổi học | Tham dự 80 – 85 % buổi học | Tham dự < 80% buổi học | |
| Mức độ tham gia hoạt động học tập | 50% | Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi, có ý thức, thái độ học tập tích cực | Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi, có ý thức, thái độ học tập khá | Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi, có ý thức, thái độ học tập trung bình | Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp, có ý thức, thái độ học tập thiếu tích cực | |

*9.3.2 Các Rubric đánh giá thảo luận nhóm*

| **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR** | **Trọng số** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giỏi | Khá | Trung bình | Yếu, kém | |
| | | | 8.5 - 10 | 7,0 - 8,4 | 5,0 - 6,9 | Dưới 4,0 | |
| Hình thức | CLO 2.2 | 10% | Đẹp, khoa học, không lỗi chính tả | ---------- | | Đơn điệu, không khoa học, nhiều lỗi chính tả | |
| Kỹ năng thuyết trình | CLO 2.2 | 10% | Rõ ràng, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | ---------- | | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | |
| Nội | CLO 1.2 | 10% | Đáp ứng | Đáp ứng | Đáp ứng | Đáp ứng dưới | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| dung | CLO 1.3<br>CLO 2.1 | 10%<br>20% | 80%- 100% yêu cầu | 70%- 80% yêu cầu | 50%- 70% yêu cầu | 50% yêu cầu | |
| Phản biện | CLO 1.2<br>CLO 2.1 | 10%<br>10% | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi, đặt trên 5 câu hỏi cho các nhóm khác | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi, đặt từ 3-5 câu hỏi cho các nhóm | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi, đặt từ 1-3 câu hỏi cho nhóm khác | Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi, không đặt được câu hỏi nào | |
| Tham gia thực hiện | CLO 2.2 | 20% | 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | |
| **Tổng điểm** | | | | | | | |

*9.3.3 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần*

| **Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi** | **Mức chất lượng** | **Thang điểm %** |
|---|---|---|
| - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.<br>- Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. | Mức A<br>(Vượt quá mong đợi) | 85 - 100 |
| - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.<br>- Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.<br>- Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. | Mức B<br>(Đáp ứng được mong đợi) | 70 - 84 |
| - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi.<br>- Trình bày không rõ ý, chưa logic.<br>- Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). | Mức C<br>(Đạt) | 55 - 69 |
| - Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.<br>- Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%.<br>- Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.<br>- Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. | Mức D<br>(Đạt, song cần cải thiện) | 40 – 54 |
| - Các trường hợp còn lại | Mức F<br>(Không đạt) | Dưới 40 |

*Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022*

| **Viện trưởng** | **Trưởng Bộ môn** | **Người soạn đề cương** |
|---|---|---|
| **PGS.TS. Hoàng Văn Hải** | **PGS.TS. Hoàng Văn Hải** | **ThS. Nguyễn Thị Lạng** |